

Thứ hai, ngày 5 tháng 6 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giữ vững sắc xanh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/6/2023		●	
Tuần 5/6-9/6/2023		●	
Tháng 06/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay tiếp tục tăng gần 7 điểm, tuy nhiên đã tăng đã chững lại khi gặp ngưỡng kháng cự quanh 1,100. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 12/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Điện, nước & Xăng dầu khí đốt dẫn đầu tăng; ngoài ra, ngành Dầu khí cũng có phiên giao dịch tích cực, hưởng ứng với thông tin OPEC+ nhất trí quyết định tiếp tục cắt giảm sản lượng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong ngắn hạn, thị trường có thể sẽ có vài phiên điều chỉnh sau đà hồi phục mạnh mẽ trước đó.

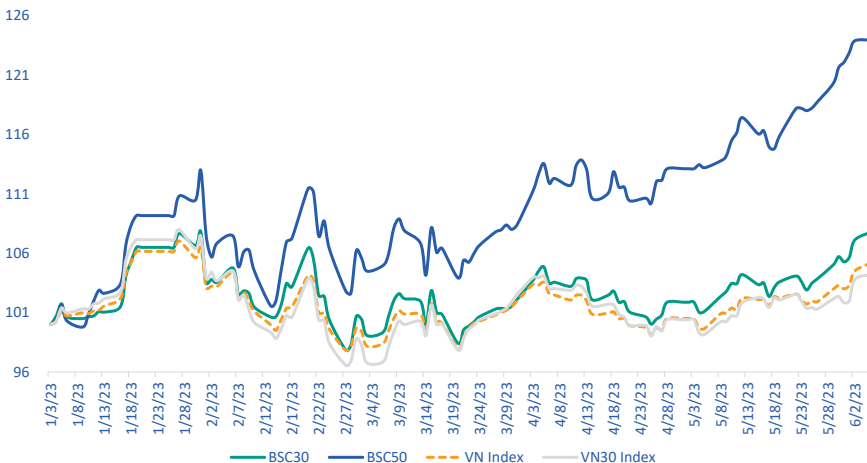
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 05/06/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+6.98** điểm, đóng cửa **1097.82** điểm. HNX-Index **+0.53** điểm, đóng cửa **226.56** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.67)**, **GAS (+0.96)**, **MSN (+0.64)**, **FPT (+0.33)**, **VHM (+0.33)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.55)**, **TCB (-0.26)**, **EIB (-0.2)**, **NVL (-0.17)**, **VPB (-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,316** tỷ đồng, giảm **-3.35%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **17,561** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **12.97** điểm. Thị trường có **201** mã tăng, **39** mã tham chiếu, **199** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-113.53** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-97.28 tỷ)**, **HCM (-32.33 tỷ)**, **CTG (-32.14 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **15.37** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 4)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1097.82**

Giá trị: 16315.67 tỷ **6.98 (0.63%)**

Khối ngoại (ròng): -113.53 tỷ

HNX-INDEX **226.56**

Giá trị: 1628.26 tỷ **0.53 (0.23%)**

Khối ngoại (ròng): 15.37 tỷ

UPCOM-INDEX **84.11**

Giá trị: 828.25 tỷ **0.15 (0.18%)**

Khối ngoại (ròng): -50.64 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	73.6	2.55%
Giá vàng	1,942	-0.29%
Tỷ giá USD/VND	23,693	-0.12%
Tỷ giá EUR/VND	25,133	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	16,756	-0.18%
LS liên NH 1 tháng	4.4%	0.07%
LS TPCP 5 năm	2.6%	-0.01%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	49.78	VNM	-97.28
SSI	35.19	HCM	-32.33
KBC	25.02	CTG	-32.14
VCB	19.40	MSN	-28.21
CTD	15.85	NLG	-19.11

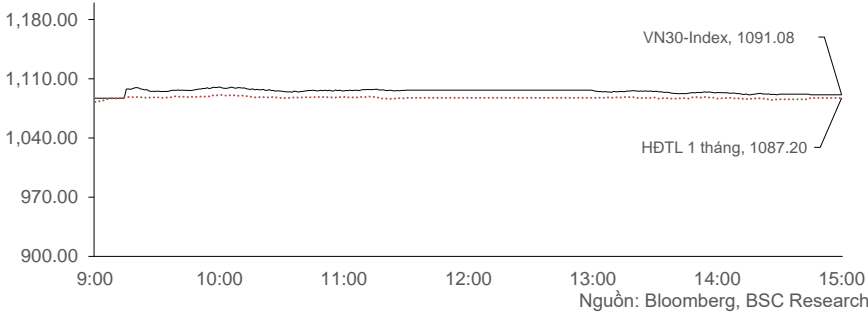
Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thông kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1072.30	0.22%	-18.78	-48.5%	105	12/21/2023	201
VN30F2307	1083.80	0.54%	-7.28	-24.7%	432	7/20/2023	47
VN30F2306	1087.20	0.78%	-3.88	-28.9%	150,708	6/15/2023	12
VN30F2309	1075.60	0.42%	-15.48	-43.6%	93	9/21/2023	110

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 4.12 điểm lên 1091.08 điểm, biên độ dao động 9.85 điểm. Các cổ phiếu như VCB, MSN, FPT, VNM, và MWG đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên trong sắc xanh với số lượng mã tăng điểm chiếm ưu thế. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các hợp đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2306 giảm, tất cả các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2213	9/5/2023	92	10:1	263,400	24.25%	2,350	1,430	4.38%	1,085	1.32	94,700	74,500	85,000
CHPG2227	11/1/2023	149	2:1	760,200	48.31%	1,100	2,100	3.96%	1,686	1.25	19,589	20,500	21,650
CMBB2214	9/5/2023	92	2:1	601,700	39.33%	2,700	1,930	2.66%	1,656	1.17	26,140	17,000	19,800
CMWG2215	11/1/2023	149	10:1	3,013,900	44.05%	1,170	530	1.92%	327	1.622	19,740	45,000	41,200
CMBB2301	6/27/2023	22	4:1	769,600	39.33%	1,380	960	1.05%	863	1.11	23,510	16,300	19,800
CMBB2215	11/1/2023	149	2:1	271,900	39.33%	1,700	1,920	0.52%	1,532	1.25	25,600	18,000	19,800
CVIB2201	9/5/2023	92	1.87:1	89,000	36.15%	2,700	2,820	0.00%	2,334	1.21	26,380	20,500	23,200
CFPT2214	11/1/2023	149	10:1	128,100	24.25%	1,870	1,550	0.00%	1,085	1.43	81,200	76,000	85,000
CVPB2214	9/5/2023	92	4:1	675,700	38.25%	1,650	1,010	-0.98%	852	1.18	42,040	17,000	19,750
CVPB2214	9/5/2023	92	4:1	675,700	38.25%	1,650	1,010	-0.98%	852	1.18	42,040	17,000	19,750
CTCB2216	11/1/2023	149	4:1	189,200	44.62%	1,200	1,900	-1.04%	1,647	1.15	80,159	27,500	31,900
CVPB2301	9/27/2023	114	4:1	356,500	38.25%	2,100	800	-1.23%	463	1.73	44,520	19,800	19,750
CVPB2301	9/27/2023	114	4:1	356,500	38.25%	2,100	800	-1.23%	463	1.73	44,520	19,800	19,750
CHPG2306	11/9/2023	157	3:1	1,191,900	48.31%	1,970	1,140	-1.72%	1,238	0.92	23,300	20,000	21,650
CACB2208	9/5/2023	92	4:1	316,700	35.42%	1,100	1,370	-2.14%	450	3.05	25,900	21,500	21,750
CSTB2225	11/1/2023	149	2:1	663,300	49.29%	2,600	4,480	-2.61%	4,360	1.03	108,400	20,500	28,050
CSTB2303	11/9/2023	157	2:1	214,600	49.29%	1,100	3,910	-3.22%	3,814	1.03	50,700	22,000	28,050
CTCB2215	9/5/2023	92	4:1	154,400	44.62%	1,350	1,780	-3.26%	1,654	1.08	53,060	26,500	31,900
CSTB2224	9/5/2023	92	2:1	60,800	49.29%	1,640	4,380	-4.58%	4,358	1.01	103,200	20,000	28,050
CVPB2212	8/31/2023	87	2.66:1	169,200	38.25%	4,500	190	-5.00%	106	1.79	27,620	24,644	19,750
Tổng				10,922,300	40.35%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 5/6/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2225 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 17.26%. Giá trị giao dịch giảm -3.49%. CSTB2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.26%.
- CMBB2303, CVIB2301, CSTB2302, và CMWG2302 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CTPB2301, và CVIB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CSTB2303, và CVIB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	98.00	3.27	3.67	1.30MLN
GAS	94.00	2.17	0.96	521600
MSN	74.10	2.49	0.64	2.01MLN
FPT	85.00	1.43	0.33	1.43MLN
VHM	53.70	0.56	0.33	1.43MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	18.35	-2.91	-1	5.24MLN
TCB	31.90	-0.93	0	5.86MLN
EIB	20.65	-2.59	0	6.85MLN
NVL	13.50	-2.53	0	25.31MLN
VPB	19.75	-0.50	0	13.42MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

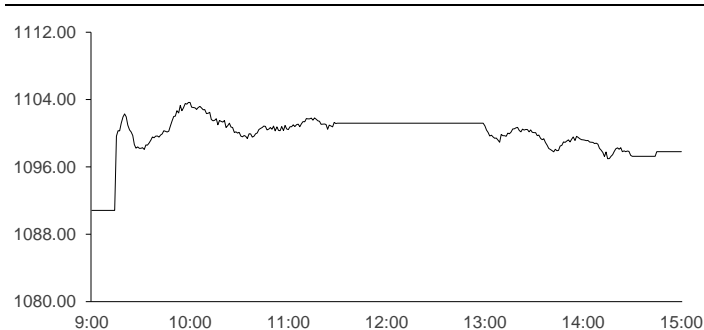
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAH	42.85	6.99	0.05	5.99MLN
QCG	8.12	6.98	0.04	133400
C47	7.77	6.93	0.00	368400
CMG	44.05	6.92	0.11	207100
SVC	39.50	6.90	0.04	2100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	18.35	-2.91	-0.55	5.24MLN
TCB	31.90	-0.93	-0.26	5.86MLN
EIB	20.65	-2.59	-0.20	6.85MLN
NVL	13.50	-2.53	-0.17	25.31MLN
VPB	19.75	-0.50	-0.17	13.42MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	16.30	9.40	1.16	926000.00
BAB	14.50	1.40	0.24	27300
THD	40.10	0.50	0.12	9700
TNG	20.50	3.02	0.06	3.81MLN
SCG	65.30	0.93	0.06	68500

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	40.80	-4.67	-0.49	20600
IDC	41.30	-1.67	-0.27	3.09MLN
CEO	26.60	-1.12	-0.10	7.40MLN
NDN	9.00	-6.25	-0.07	1.23MLN
PVI	49.00	-1.80	-0.05	3400

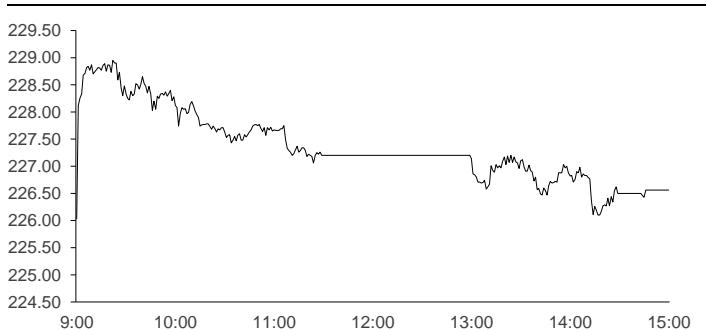
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAE	22.00	10.0	0.00	100
SD6	4.40	10.0	0.01	627000
VSM	18.80	9.9	0.00	100
CAN	37.80	9.9	0.01	2300
BTW	42.30	9.9	0.01	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

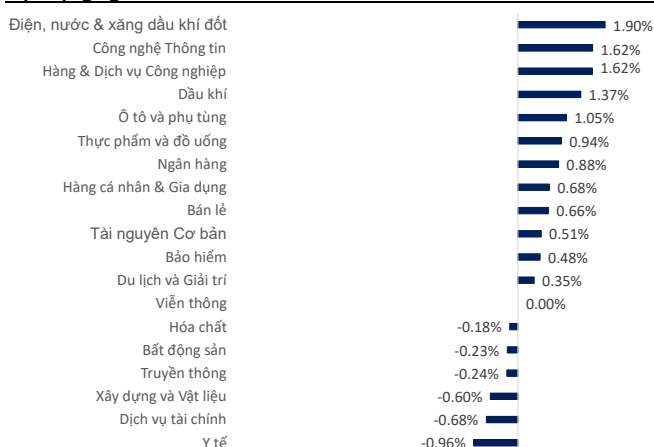
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SDC	7.20	-10.00	0.00	100
VC9	6.40	-9.86	-0.01	104500
MKV	10.10	-9.82	0.00	2000
SIC	32.20	-9.80	-0.01	100
SDG	17.50	-9.79	0.00	1500

Hình 2
HNX-Index Intraday



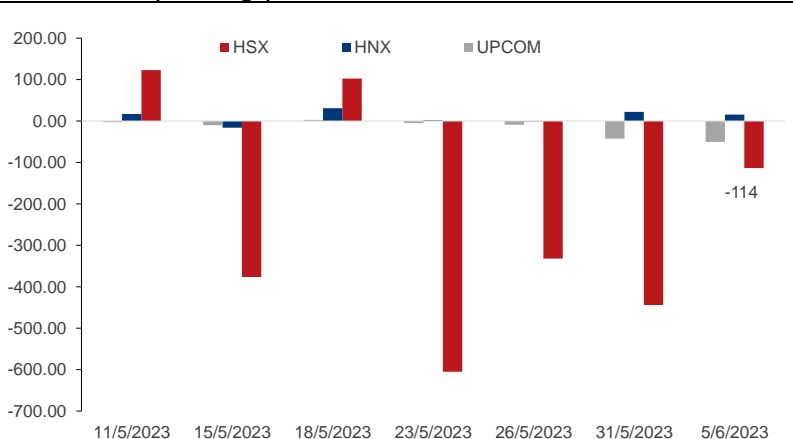
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

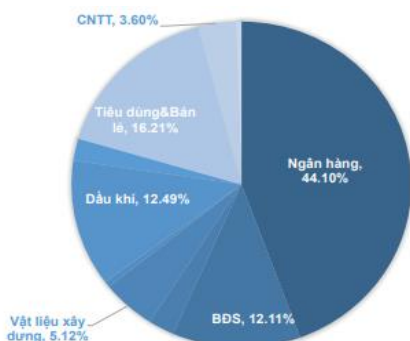
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	98.0	3.3%	0.9	20,165	5.5	7,311	13.4	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	44.7	0.0%	1.0	9,831	1.9	4,208	10.6	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.8	-0.5%	1.2	5,765	11.6	3,972	5.0	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	31.9	-0.9%	1.4	4,878	8.2	14,982	2.1		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	19.8	0.5%	1.4	3,903	16.9	14,982	1.3	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	28.1	-0.9%	1.3	2,299	17.5	4,640	6.0	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	18.4	-2.9%	1.1	3,191	4.2	4,603	4.0	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	27.9	-2.6%	1.7	931	18.0	4,880	5.7	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	41.3	-1.7%	1.7	593	5.6			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	40.3	-2.9%	1.7	786	5.9	1,217	33.1		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.7	0.2%	1.0	5,473	19.0	1,916	11.3	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	53.7	0.6%	0.9	10,167	3.4	1,896	28.3	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	27.1	0.0%	1.1	2,677	3.9	5,227	5.2	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	29.9	1.5%	0.4	930	2.9	1,576	18.9	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	31.9	-1.8%	1.5	532	3.9	2,557	12.5	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	59.1	5.0%	1.5	976	21.4	14,120	4.2	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	33.1	2.6%	1.3	563	4.7	6,793	4.9	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	25.5	3.0%	0.8	586	6.6	2,625	9.7	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	94.0	2.2%	0.7	7,822	2.1	2,292	41.0	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	39.1	2.2%	1.1	2,160	2.5	1,340	29.2	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	31.1	0.3%	1.2	646	6.7	993	31.3	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.2	-0.4%	1.5	585	5.5	7,698	3.1	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	14.0	2.2%	1.1	1,420	10.1	3,895	3.6	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	66.5	0.9%	1.2	6,043	9.6	2,605	25.5	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	74.1	2.5%	1.1	4,587	6.5	3,456	21.4	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	41.2	1.0%	1.3	2,621	11.8	7,475	5.5	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	73.7	1.0%	0.7	1,051	1.8	2,965	24.9	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	60.8	4.3%	1.2	485	3.1	12,800	4.8	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	52.0	1.2%	0.7	681	2.5	7,059	7.4	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	85.0	1.4%	0.8	4,081	5.2	5,901	14.4	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.62%	0.05%	0.64%	0.38%
1 tuần	2.62%	3.03%	2.12%	1.99%
1 tháng	6.70%	9.25%	5.50%	4.95%
3 tháng	5.65%	14.65%	4.64%	4.85%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.8	0.3%	1.2	6,007	5.6	3,520	8.2	1.2	27.4%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.8	-0.2%	1.0	3,673	13.2	3,742	5.8	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	19.1	0.0%	0.9	2,083	2.7	3,149	6.0	1.2	19.7%	22.6%
LPB	Ngân hàng	15.3	2.0%	1.4	1,150	10.8	2,732	5.6	1.0	4.4%	19.9%
VIB	Ngân hàng	23.2	0.7%	1.3	2,126	8.4	4,163	5.6	1.5	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	18.1	-1.4%	2.0	956	30.3	489	36.9	1.5	20.9%	4.8%
TPB	Ngân hàng	26.1	-0.8%	1.1	1,795	11.1	4,030	6.5	1.2	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	24.1	0.0%	1.7	1,571	19.8	1,120	21.5	1.6		7.9%
CII	Xây dựng	17.8	-2.2%	1.9	195	4.8	218	81.8	0.8	10.2%	1.0%
C4G	Xây dựng	13.4	-0.7%	2.1	196	1.4	791	16.9	1.2	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	64.8	1.9%	1.9	208	2.4	184	352.3	0.6	48.4%	0.2%
HHV	Xây dựng	14.5	-1.7%	1.8	193	6.5	966	15.0	0.6	2.8%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.4	-1.8%	2.1	110	5.6	781	17.2	1.0	3.3%	5.9%
BCM	KCN	77.8	-0.3%	1.0	3,501	0.2	1,170	66.5	4.7	2.8%	8.1%
HUT	KCN	18.3	0.5%	1.5	277	2.1	162	113.1	1.6	1.9%	1.4%
PHR	KCN	46.7	-0.4%	1.4	275	1.0	6,039	7.7	1.8	15.5%	24.1%
SZC	KCN	35.4	-2.1%	1.9	154	1.8	1,323	26.8	2.3	3.0%	8.9%
HSG	Vật liệu	15.9	2.3%	2.1	412	17.2	(1,754)		0.9	15.3%	-9.6%
HT1	Vật liệu	15.1	0.0%	1.5	250	0.5	386	39.0	1.1	3.5%	2.9%
NKG	Vật liệu	16.3	2.5%	2.2	186	9.9	(2,586)		0.8	10.7%	-11.8%
PTB	Vật liệu	48.7	3.2%	1.1	144	1.1	6,017	8.1	1.2	13.8%	19.5%
KSB	Vật liệu	26.6	-1.7%	1.7	88	2.7	1,393	19.1	1.0	3.5%	5.6%
NVL	BDS	13.5	-2.5%	1.0	1,145	15.0	362	37.3	0.7	5.3%	1.9%
DXG	BDS	14.7	-3.3%	2.2	389	19.2	(240)		1.0	19.0%	-1.6%
HDC	BDS	35.7	-1.5%	1.4	168	2.1	3,157	11.3	2.1	1.8%	20.9%
DIG	BDS	21.2	-2.8%	2.5	562	22.5	262	81.0	1.9	5.6%	2.1%
IJC	BDS	14.5	-1.4%	2.1	159	1.6	1,662	8.7	0.9	6.0%	11.2%
BSR	Dầu khí	17.6	2.3%	1.5	2,373	11.5	4,750	3.7	1.1	41.1%	33.2%
PVT	Dầu khí	21.7	2.1%	1.2	305	5.0	2,740	7.9	1.1	15.0%	15.4%
PLC	Săm lốp	37.2	-0.3%	1.8	131	0.4	1,355	27.4	2.4	1.1%	8.2%
DRC	Tiện ích	22.4	0.4%	1.3	115	0.6	2,246	10.0	1.4	8.9%	14.4%
REE	Tiện ích	62.5	1.8%	0.8	1,111	3.6	6,714	9.3	1.6		18.6%
GEX	Tiện ích	17.4	1.8%	1.9	644	16.4	10	1742.4	1.2	12.0%	0.1%
NT2	Tiện ích	33.6	2.1%	0.8	421	1.1	3,245	10.4	2.1	16.1%	20.9%
HDG	Tiện ích	35.9	-1.5%	1.5	382	2.7	4,718	7.6	1.6	21.7%	22.6%
PC1	Tiện ích	29.8	0.3%	1.3	350	2.5	1,257	23.7	1.6	8.1%	6.8%
GEG	Tiện ích	17.0	0.3%	1.1	238	1.8	956	17.8	1.8	46.4%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.8	2.2%	2.1	227	3.7	220	44.4	0.8	1.7%	1.5%
SAB	Bán lẻ	159.4	0.9%	0.2	4,444	0.8	7,649	20.8	4.2	62.5%	22.1%
QNS	Bán lẻ	43.7	-2.9%	0.5	678	1.3	4,226	10.3	1.8	18.9%	17.5%
FRT	Bán lẻ	65.6	-0.6%	1.4	338	3.0	1,863	35.2	3.9	30.4%	11.5%
DGW	Bán lẻ	37.5	0.3%	1.8	272	3.5	3,397	11.0	2.5	22.8%	24.7%
DBC	Bán lẻ	19.2	-3.3%	2.0	201	5.6	(1,339)		1.1	6.0%	-7.2%
PET	Bán lẻ	26.7	-1.1%	2.3	115	0.8	1,026	26.0			4.3%
BAF	Bán lẻ	23.8	-1.0%		149	2.2	1,409	16.9	1.8	0.2%	11.8%
ANV	Thủy sản	34.6	3.0%	1.7	200	4.4	4,368	7.9	1.5	5.4%	20.1%
VSC	Logistics	29.7	1.7%	0.5	157	1.1	2,087	14.2	1.4	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	42.9	7.0%	1.1	131	11.0	9,072	4.7	1.3	7.8%	34.4%
CTR	Công nghệ	72.5	-1.4%	1.4	361	0.4	4,040	17.9	4.7	10.7%	29.3%
TNG	Dệt may	20.5	3.0%	1.7	94	3.4	2,879	7.1	1.3	15.8%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
21	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
22	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
24	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
26	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2022	x		Click
27	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
29	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
30	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
33	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
36	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
39	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
42	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
43	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

